

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM BÁO CÁO 2018

Quảng ninh, tháng 3 năm 2019

Số: 463 /BC - CKMK

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN
Năm báo cáo 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700526478
- Vốn điều lệ: 14.325.780.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.325.780.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*)
- Địa chỉ: Khu Quang Trung, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0203.3871312
- Số fax: 0203.3871387
- Website: <http://cokhimaokhe.com.vn>
- Mã chứng khoán: CMK

*** Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin là doanh nghiệp thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thành lập ngày 27/02/1982 - Theo Quyết định số: 05MT - TCCB của Bộ trưởng Bộ Mỏ và Than.
- Kể từ khi thành lập cho đến tháng 3/1996 Công ty có tên là “ Nhà máy Cơ khí Mạo Khê” là đơn vị thành viên của Công ty Than Uông Bí.
- Thực hiện Nghị định 27 - CP của Thủ tướng Chính phủ, kể từ tháng 4 năm 1996 Công ty trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam, do cơ quan Nhà nước quản lý được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền quyết định thành lập theo đề nghị của Tổng công ty Than Việt Nam.
- Thực hiện Quyết định số 03/2002/QĐ - BCN ngày 02/01/2002/QĐ - BCN ngày 02/01/2002 của Bộ Công nghiệp chuyên “Nhà máy Cơ khí Mạo Khê”, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam thành đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty Than Mạo Khê.



- Từ ngày 01/01/2005 theo Quyết định số 125/2004/QĐ- BCN ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ Công nghiệp “ Nhà máy Cơ khí Mạo Khê” được chuyển thành “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê”.
- Từ tháng 7/2007 Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê trở thành Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với tên gọi “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - TKV”
- Đại hội cổ đông thường niên tháng 4 năm 2011, Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - TKV đổi tên thành “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin”

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - Chế tạo các thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận tải sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng - Chế tạo các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường	2599
2	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: - Thiết kế kết cấu thép - Thiết kế thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận tải sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng - Thiết kế các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường	7110
6	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
7	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
8	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
9	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
12	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
13	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Lắp đặt hệ thống điện	4321

– Địa bàn kinh doanh: Trên toàn lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra.
- Ban Giám đốc điều hành: Gồm có Giám đốc, các phó giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- 5 phòng chức năng: (1) Tổ chức - hành chính, (2) Kế hoạch - vật tư, (3) Kỹ thuật - Công nghệ, (4) Kế toán - tài chính và (5) Cơ điện – An toàn.
- 4 phân xưởng sản xuất tổ chức sản xuất theo công nghệ:
 - (1) Phân xưởng : Xích vòng và Đúc
 - (2) Phân xưởng : Cơ khí.
 - (3) Phân xưởng : Gia Kết cấu.
 - (4) Phân xưởng : Sửa chữa và lắp ráp.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu: Đẩy mạnh sản xuất, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý phù hợp, từng bước đổi mới công nghệ, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, năng suất, sức cạnh tranh của sản phẩm, đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động; bảo toàn và phát triển vốn.

- Chiến lược trung và dài hạn: Công ty xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2030, Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin xây dựng Công ty thành đơn vị cơ khí chủ lực của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Việt Nam chuyên chế tạo các thiết bị phòng nổ, thiết bị chuyên dùng trong khai thác hầm lò, chế biến than phục vụ cho ngành khai thác than, khoáng sản Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Tổng Doanh thu đạt 210,452 tỷ đồng bằng 134% so với năm 2017, bằng 111% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 2.315 triệu đồng; so với năm 2017 đạt 178,7%; so với kế hoạch năm đạt 116%.
- Các chỉ tiêu khác đều đạt và vượt kế hoạch
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự:



2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1. Tóm tắt lý lịch Giám đốc Nguyễn Hải Long

- Họ và tên: NGUYỄN HẢI LONG

- Giới tính: Nam

- Số CMND: 100585024 Ngày cấp: 20/8/2008

- Ngày tháng năm sinh: 24/7/1970

- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Cộng Hòa - Chí Linh - Hải Dương

- Địa chỉ thường trú: Tổ 9, khu 9B - Phường Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 0912191998

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 6/1993 - 3/2004: Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp đóng tàu Hạ Long

+ Từ tháng 4/2004 - 7/2005: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty Cơ khí đóng tàu Than Việt Nam;

+ Từ tháng 8/2005 - 11/2005: Quyền Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty Cơ khí đóng tàu Than Việt Nam;

+ Từ tháng 12/2005 - 02/2009: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty Cơ khí đóng tàu Than Việt Nam (Công ty Cơ khí đóng tàu TKV).

+ Từ tháng 3/2009 - 7/2011: Phó Giám đốc Công ty Cơ khí đóng tàu TKV

+ Từ tháng 8/2011 - 11/2013: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần thiết bị điện – Vinacomin.

+ Từ tháng 12/ 2013 đến nay : Giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy công ty.

- Số cổ phần nắm giữ: 2 810 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 2 810 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không

+ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

+ Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

- Họ và tên: ĐẶNG VĂN PHỐI
- Giới tính: Nam
- Số căn cước: 030065001558 Ngày cấp: 27/9/2016
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Lạc - Chí Linh - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu Hoàng Hoa Thám - Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh
- Số điện thoại: 0912380725
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 10/1985 – 8/1999: Công nhân thợ phay - Nhà máy cơ khí Mạo Khê
 - + Từ tháng 9/1999 – 10/2001: Đốc công Phân xưởng Cơ khí - Nhà máy cơ khí Mạo Khê.
 - + Từ tháng 11/2001 – 7/2002: Nhân viên kỹ thuật - Phòng Kỹ thuật - Nhà máy cơ khí Mạo Khê.
 - + Từ tháng 8/2002 – 9/2002: Phó phòng Kỹ thuật - Nhà máy cơ khí Mạo Khê.
 - + Từ tháng 10/2002 – 5/2008: Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê.
 - + Từ tháng 6/2008 – 6/2009: Trưởng phòng Thiết kế & Công nghệ - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê.
 - + Từ tháng 7/2009 – 12/2010: Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Thiết kế & Công nghệ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê .
 - + Từ tháng 01/2011 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ công ty.
- Số cổ phần nắm giữ: 19 500 cổ phần

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 19 500 cổ phần
- + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
- + Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 10 189 cổ phần.
- + Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Nguyễn Thị Huyền (Vợ)

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2.1.4. Tóm tắt lý lịch của Kế toán trưởng Hoàng Thúy Hương

- Họ và tên: HOÀNG THÚY HƯƠNG
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 100650908 Ngày cấp: 10/12/2004
- Ngày tháng năm sinh: 20/01/1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức Thọ - Nghệ Tĩnh (nay là Hà Tĩnh).
- Địa chỉ thường trú: Khu Vĩnh Xuân - Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh
- Số điện thoại: 0904319769
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 8/1985- 3/2006: Nhân viên Phòng Kế toán Nhà máy Cơ khí Mạo Khê; Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - TKV (nay là Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin).
 - + Từ tháng 4/2006 - 6/2013: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê
 - + Từ tháng 7/2013 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng bộ công ty.
- Số cổ phần nắm giữ: 10.188 cổ phần

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 10.188 cổ phần
- + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
- + Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 351 cổ phần.
- + Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Hoàng Anh Đức (Em ruột).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBCNV là 320 người. Các chính sách đối với người lao động thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Đối với các dự án nhóm A và nhóm B: không có.

- Dự án nhóm C: Triển khai thực hiện 2 dự án (01 dự án chuyển tiếp từ năm 2016 và 01 dự án khởi công mới):

a) Dự án chuyển tiếp từ năm 2016: Dự án: Đầu tư xây dựng Nhà điều hành sản xuất - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin (Điều chỉnh):

- Tổng mức đầu tư của Dự án (sau điều chỉnh): 14 931,98 triệu đồng.

- Giá trị chuyển tiếp thực hiện trong năm 2018: Giá trị 10 631 triệu đồng. Trong đó:

+ Thực hiện trả nợ khối lượng năm trước: Kết quả thực hiện đạt 951 /951 Tr. đồng.

+ Thực hiện khối lượng chuyển tiếp: Kết quả thực hiện đạt 9 680,18 /9 680,18 Tr. đồng

Công trình Nhà điều hành sản xuất đã hoàn thành được đưa vào sử dụng phục vụ cho sản xuất từ ngày 30/11/2018. Tổng số vốn đã thực hiện giải ngân được trong năm là 3 954 triệu đồng.

b) Dự án khởi công mới: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2018 - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin:

- Tổng mức đầu tư của Dự án: 1 570 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Trong năm 2018 Công ty chưa thực hiện được dự án do các nguyên nhân sau:

+ Trong năm 2018 tình hình sản xuất và nhu cầu đầu ra cho các sản phẩm chế tạo có nhiều biến động, Công ty đã phải rà soát lại các hạng mục đầu tư của dự án và trình Tập đoàn phê duyệt điều chỉnh vào thời điểm cuối năm để đảm bảo cho việc đầu tư các hạng mục trong dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu thực tế của sản xuất, nhằm tiết giảm tối đa chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo hiệu quả đầu tư, phù hợp với nhu cầu sản xuất hiện tại và các năm tiếp theo.

+ Cuối năm 2018 Công ty phải ưu tiên giành nguồn vốn để mua sắm vật tư phục vụ cho nhu cầu sản xuất trước nên phải tạm dừng, lùi thời gian đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng (+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	168.306.947.534	177.006.622.958	105,17
Doanh thu thuần	156.706.107.807	210.447.886.595	134,29
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.453.776.150	2.547.924.107	175,26
Lợi nhuận khác	8.031.735	-234.339.118	-2.917,66

Lợi nhuận trước thuế	1.461.807.885	2.313.584.989	158,27
Lợi nhuận sau thuế	907.193.428	1.752.663.315	193,2
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5	8	160

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,98	0,93	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – HTK) / Nợ ngắn hạn	0,50	0,56	Lần
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,88	0,89	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	7,9	7,99	Lần
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	2,06	3,09	Lần
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,93	1,19	Lần
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,58	0,99	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,81	8,9	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,54	0,99	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,93	1,21	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

	31/12/2017	31/12/2018
Tổng số cổ phiếu	1.432.578	1.432.578
- Cổ phiếu phổ thông	1.432.578	1.432.578
- Cổ phiếu ưu đãi		

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.432.578	1.432.578
- Cổ phiếu phổ thông	1.432.578	1.432.578
Trong đó: +Chuyên nhượng tự do	1.432.578	1.432.578
+ Hạn chế chuyên nhượng		

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

5.2. Cơ cấu cổ đông:

* *Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước*

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 57 00100256.

Trụ sở: 226 Lê Duẩn; Đống Đa; Hà Nội.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 521.418 chiếm tỷ lệ: 36,39% vốn Điều lệ.

* *Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập*

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nhà nước: Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam	521.418	36,39
2	Cổ đông khác	911.160	63,61
3	Cổ phiếu quỹ	0	0
	Tổng	1432587	100

* *Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài (Không có)*

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm: 5.328 tấn. Trong đó hầu hết được tiêu hao vào sản phẩm, không có tái chế sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: nguồn năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện. Năm qua lượng điện tiêu thụ 1.816.759 Kwh tương đương 380 TOE

6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước là nước sạch từ Công ty cung cấp nước sạch Quảng Ninh; trong năm tổng lượng nước tiêu thụ là: 17.402 m³; Công ty đã có biện pháp sử dụng tái chế nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn chấp hành đúng và đầy đủ về pháp luật về bảo vệ môi trường; không có vi phạm phải xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. *Số lượng lao động, mức lương trung bình*: Tổng số lao động là 320 người. Lao động bình quân sử dụng trong năm là 319 người. Mức lương bình quân là 7,114 triệu đồng /người/tháng.

b. *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*.

* Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h30 phút.

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

* Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

- Chính sách lương và thưởng: Công ty áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả kinh doanh. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

* Chính sách đối với người lao động: Công ty luôn ý thức được nhân lực là yếu tố quyết định cho sự thành công của Công ty. Công ty thường xuyên sắp xếp bố trí nguồn nhân lực theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển của Công ty cho phù hợp, luôn đảm bảo cho người lao động có công ăn việc làm ổn định lâu dài để họ gắn bó với Công ty. Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp. Công ty tiếp nhận lao động mới theo một quy trình và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho CBCNV. Công ty luôn dùng quỹ phúc lợi cho các hoạt động nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi, tăng cường văn hoá doanh nghiệp. Đẩy mạnh phong trào thi đua, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật không ngừng tăng năng suất lao động để ngày càng ổn định thu nhập cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 4,5 giờ/người.



- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Chủ yếu theo chương trình của Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty thường xuyên có các chương trình xây dựng, ủng hộ địa phương nhằm phát triển văn hóa cộng đồng tại địa phương như xây dựng nhà văn hóa khu phố, ủng hộ xây dựng chùa triền...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Tổng Doanh thu đạt 210,452 tỷ đồng bằng 134% so với năm 2017, bằng 111% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 2.315 triệu đồng; so với năm 2017 đạt 178,7%; so với kế hoạch năm đạt 116%. Các chỉ tiêu khác đều đạt và vượt kế hoạch.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Đã được tăng cường và áp dụng có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh (+/-)	% tăng, giảm
A. Tài sản ngắn hạn	137 736 014 276	132 904 289 296	4.831.724.980	3,64
Tiền và các khoản tương đương tiền	3 503 793 338	2 885 785 927	618.007.411	21,42
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	77 536 942 141	60 276 229 930	17.260.712.211	28,64
Trả trước cho người bán ngắn hạn	876 685 478	2 667 596 124	-1.790.910.646	-67,14
Phải thu ngắn hạn khác	1 560 758 029	1 695 158 696	-134.400.667	-7,93
Hàng tồn kho	54 148 182 288	65 366 017 703	11.217.835.415	-17,16
Tài sản ngắn hạn khác	109 653 002	13 500 916	96.152.086	712,19
B. Tài sản dài hạn	39 270 608 682	35 402 658 238	3.867.950.444	10,93
Tài sản cố định hữu hình	38 604 791 562	28 968 004 102	9.636.787.460	33,27
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	461 871 307	6 105 461 914	-5.643.590.607	-92,44
Tài sản dài hạn khác	203 945 813	329 192 222	-125.246.409	-38,05



Tổng cộng tài sản	177 006 622 958	168 306 947 534	8.699.675.424	5,17
C.Nợ phải trả	157 213 387 882	148 814 336 601	8.399.051.281	5,64
I.Nợ ngắn hạn	148 819 176 471	136 216 243 963	12.602.932.508	9,25
II. Nợ dài hạn	8 394 211 411	12 598 092 638	-4.203.881.227	-33,37
D. Vốn chủ sở hữu	19 793 235 076	19 492 610 933	300.624.143	1,54
I. Vốn chủ sở hữu	19 688 080 820	18 842 610 933	845.469.887	4,29
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	105 154 256	650 000 000	-544.845.744	518,14
Tổng cộng nguồn vốn	177 006 622 958	168 306 947 534	8.699.675.424	5,17

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 tăng so với đầu năm là 8.699.675.424 đồng bao gồm các chỉ tiêu:

- Tài sản ngắn hạn: Tăng 4.831.724.980 đồng, chủ yếu là do phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 17.260.712.211 đồng tương ứng tăng 28,64%. Nguyên nhân do quý 4 năm 2018 doanh thu của Công ty cao, xuất hóa đơn cho khách hàng chủ yếu tập trung quý 4 nên chưa có đủ hồ sơ thủ tục thanh toán để thu hồi công nợ dẫn đến việc phải thu khách hàng còn cao.

- Tài sản dài hạn: tăng 3.867.950.444 đồng chủ yếu do tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng tăng cụ thể là công trình Nhà điều hành công ty, tăng 9.636.787.460 đồng

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tổng giá trị nguồn vốn cuối năm 2018 tăng 8.699.675.424 đồng so với đầu năm 2018, tương ứng với 5,17% bao gồm các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu nợ ngắn hạn : tăng 12.602.932.508 đồng tương ứng 9,25%, chủ yếu là do công ty đã tập trung vay ngắn hạn mua vật tư trong quá trình sản xuất cuối năm.

- Chỉ tiêu nợ dài hạn : Giảm 4.203.881.227 đồng tương ứng với 33,37% là do Công ty cũng đã tích cực thanh toán được các khoản vay dài hạn từ ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục duy trì công tác khoán, quản trị chi phí tại các phân xưởng. Sắp xếp tinh giản bộ máy gián tiếp phục vụ phụ trợ; ổn định tổ chức sản xuất tại các đơn vị, điều chuyển lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và từng phòng ban, phân xưởng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới.
- Phát triển nguồn nhân lực.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đảm bảo đúng quy định.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo đúng quy định.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đầy đủ.

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Công ty đã và đang hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đảm bảo tốt nghĩa vụ đối với môi trường và xã hội.

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: Ban Giám đốc đã thực hiện, triển khai kịp thời các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và thường xuyên trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh;

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm.

V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Tốt	36,39	Chủ tịch, Thành viên độc lập, đại diện vốn Nhà nước tại Công ty (TKV)
2	Nguyễn Hải Long	0,2	Thành viên, Giám đốc điều hành
3	Đặng Văn Phối	1,36	Thành viên, Phó giám đốc

4	Đỗ Văn Hinh	3,46	Thành viên, Chủ tịch công đoàn
5	Vương Quốc Hà	0,01	Thành viên, phó Giám đốc

1.2. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp và giải quyết tổng thể các việc liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD và các công việc liên quan khác trong thẩm quyền. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả các cuộc họp: Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành 12 phiên họp. Các cuộc họp đều diễn ra với tinh thần trách nhiệm. HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung theo quy định và ban hành đầy đủ nội dung biên bản, nghị quyết cuộc họp để Ban Giám đốc triển khai thực hiện. Nội dung những vấn đề được ban hành bao gồm:

TT	Số	Ngày	Nội dung
1	361.1/BB-CKMK	05/1/2018	1. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
2	375/BB-CKMK	19/3/2018	1. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017, phương án phân chia lợi nhuận sau thuế 2017 2. Thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 3. Thông qua phương án nhân sự thay đổi bổ sung thành viên ban kiểm soát. 4. Thông qua dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty (sửa đổi) 5. Thông qua tờ trình về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty
3	385/BB-CKMK	05/4/2018	1. Rà soát, thông qua chương trình, các tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 2. Thông qua giới thiệu nhân sự bổ sung thành viên Ban kiểm soát

TT	Số	Ngày	Nội dung
			3. Thông qua tờ trình thẩm định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án dừng không thực hiện.
4	406/BB-CKMK	9/5/2018	1. Thông qua việc thay đổi giữa nhiệm kỳ đối với người đại diện phân vốn của TKV, chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.
5	407/ BB-CKMK	9/5/2018	1. Bầu chủ tịch HĐQT công ty
6	409/ BB-CKMK	9/5/2018	1. Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT công ty.
7	415/ BB-CKMK	27/6/2018	1. Thông qua tờ trình về việc giao nhiệm vụ Giám đốc công ty về quan hệ giao dịch với ngân hàng, vay vốn sản xuất.
8	421/BB-CKMK	23/8/2018	1. Thông qua quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo của Công ty giai đoạn 2020 – 2025 và 2016-2016 (sau rà soát bổ sung) 2. Thông qua việc triển khai thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm Giàn mềm 3. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2018
9	426/BB-CKMK	12/10/2018	1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2018 và 2. Thông qua báo cáo chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2030.
10	425/BB-CKMK	12/10/2018	1. Nhận xét đánh giá bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc công ty.
11	431/BB-CKMK	08/11/2018	1. Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại Giám đốc 2. Lấy phiếu tín nhiệm cán bộ chủ chốt.
12	437/BB-CKMK	28/11/2018	1. Phê duyệt quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc.

- Thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao: Tình hình SXKD của Công ty còn nhiều khó khăn, thách thức lớn do sự cạnh tranh trên thị trường cả trong và ngoài ngành ngày càng quyết liệt hơn, song với sự chỉ đạo của HĐQT cùng với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng

hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các ban hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2018 do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, nguồn vốn kinh doanh được bảo toàn.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát: Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng...) thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

TT	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết	GHI CHÚ
1	Lê Hồng Quang	-	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Hoan	0,29	Thành viên
3	Nguyễn Đại Dương Anh	-	Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và quy định của Điều lệ Công ty. Trong quá trình hoạt động, các thành viên Ban Kiểm soát đã thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty để nắm bắt những vấn đề, sự kiện phát sinh liên quan đến quá trình hoạt động của Công ty. Từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty.

-Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Đưa ra các ý kiến đối với các vấn đề có liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các quyết định đầu tư, tham gia sửa đổi và bổ sung các quy chế quản lý, quy định trong nội bộ Công ty.

-Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, cả năm và đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đề ra. Kiểm tra thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, năm; nhận xét, đánh giá kiến nghị những tồn tại trong hoạt động với Ban lãnh đạo điều hành để khắc phục.

Định kỳ (quý/lần) tổ chức họp với Ban lãnh đạo điều hành để xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và kế hoạch cho kỳ tiếp theo. Trong năm 2018; BKS đã tổ chức 4 cuộc họp với Bộ máy quản lý điều hành:

1. Cuộc họp và làm việc ngày 20/3/2018: Thông qua Biên bản Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD quý 4 năm 2017; Xem xét kết quả thực hiện năm 2017; Thông qua Thẩm định BCTC năm 2017.

2. Cuộc họp và làm việc ngày 17/5/2018: Thông qua Biên bản Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và BCTC quý 1 năm 2018.

3. Cuộc họp và làm việc ngày 20/8/2018: Thông qua Biên bản Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 6 tháng năm 2018.

4. Cuộc họp và làm việc ngày 8/11/2018: Thông qua Biên bản Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 9 tháng năm 2018.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kiểm soát. Ban kiểm soát đã có kiến nghị đề xuất với Giám đốc công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Phạm Trung Tuấn	Chủ tịch HĐQT (04 tháng)	18.816.000
2	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT (08 tháng)	37.440.000



2	Nguyễn Hải Long	Thành viên HĐQT, Giám đốc	344.776.000
3	Đỗ Văn Hình	Thành viên HĐQT, Chủ tịch CĐ	49.776.000
4	Đặng Văn Phối	Thành viên HĐQT - PGĐ	310.776.000
5	Vương Quốc Hà	Thành viên HĐQT - P. Giám đốc	310.776.000
6	Lê Hồng Quang	Trưởng BKS	310.776.000
7	Hoàng Thúy Hương	Kế toán trưởng	287.776.000
8	Nguyễn Thị Hoan	Thành viên BKS	45.456.000
9	Nguyễn Đại Dương Anh	Thành viên BKS	45.456.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

“Công ty có 04 bộ máy cào MC 80 (chiều dài 100m) cho Công ty Than Nam Mầu vay mượn giá trị : 1.225.070.708 đồng. Từ thời điểm quý 2 năm 2015 đến ngày 31/12/2018, do Công ty chưa có đối chiếu với Công ty Than Nam Mầu về thời điểm hoàn trả 04 bộ máy cào MC 80 (chiều dài 100m) đã vay mượn nên Công ty chưa có cơ sở để xác định số nợ đã quá hạn và thời gian quá hạn làm căn cứ để ước tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập. Trồng phạm vi của một cuộc kiểm toán thông thường, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này tới các chỉ tiêu có liên quan. Do đó, Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số Dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 hay không”

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn " Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ "đến các dữ liệu tương ứng, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Khí Mạo Khê - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Địa chỉ Website công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: <http://cokhimaokhe.com.vn> *OK*
Xác nhận của đại diện theo pháp luật Công ty

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội
- Lưu Thư ký;VP



Nguyễn Hải Long

